

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Bà Lê Thị Trúc Phương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo như sau:

Ngày 15/7/2022, Nguyên đơn bà Phạm Thị V, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bà V yêu cầu xét xử lại toàn bộ nội dung vụ án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08 tháng 02 năm 2023, có mặt: chị Đặng Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn B. Chị D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị V là người kháng cáo trình bày tại phiên tòa xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu kháng cáo của bà V. Ông B đại diện hợp pháp của Bị đơn ông Phạm Văn D đồng ý việc rút đơn kháng cáo của chị Diễm.

Xét việc: Việc chị D rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn vào Điều 289 và Điều 295 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 301/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, nhà ở và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1957.

Địa chỉ cư trú: Khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vân: Chị Đặng Thị Hồng D, sinh

năm 1984.

Địa chỉ: số 22, phường Long Thạnh, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Công D (Phạm Văn D), sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú hiện nay: Khóm Thượng 2, thị trấn Thường T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Danh): Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1941.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn L (L), sinh năm 1973.

2. Bà Phạm Trần Thị Th, sinh năm 1973.

3. Anh Phạm Văn Vũ Linh, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn Thường T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà Th, anh Vũ L: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1941.

Địa chỉ cư trú: Số 88, khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn Thường T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tấn H, xã Tấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Bà Phạm Thị Gi, sinh năm 1951.

Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn Thường Th, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Đường Phan Huy Í, Phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Tân H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

9. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: đường Phan Đăng L, phường B, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

11. Văn Phòng Công chứng Tân Ch (Nay là Văn Phòng Công chứng Phan Văn T).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T, chức vụ: Trưởng Văn phòng. Địa chỉ: Tôn Đức Th, phường Long Th, thị xã T, tỉnh An Giang.

12. Bà Đặng Thị Hồng T, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: đường Quang Trung, Phường h, Quận k, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, khóm L2, phường L, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. (Đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Đ:

13.1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1960. (Chồng bà Đ);

13.2. Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1984. (Con bà Đ);

13.3. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1985. (Con bà Đ);

13.4. Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1987. (Con bà Đ);

13.5. Chị Phạm Thị Kh, sinh năm 1989. (Con bà Đ);

13.6. Anh Phạm Văn Ng, sinh năm 1996. (Con bà Đ);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 3, khóm Long 2, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị V do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có hiệu lực thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAT;
- TAND huyện. H;
- CC THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 11a:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2012/QĐST - KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 192 hoặc các điều luật khác của BLTTDS (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 của BLTTDS).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2012/TLST-KDTM).

(5) Ghi theo hướng dẫn việc ghi “trích yếu” vụ án tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (ví dụ: “Về việc tranh chấp về cấp dưỡng”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 193 của BLTTDS, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).